TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 75**/2019/DS-ST
Ngày: 29 – 5 - 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Bạch Vân**

2. Ông **Trương Thanh Giảng**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Xuân Cường** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST-DS Ngày 02 tháng 4 năm 2019: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng K

Trụ sở: Phạm Hồng T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng K – Phòng Giao dịch số 4. (Theo văn bản ủy quyền số 35 ngày 19/4/2019).

Địa chỉ liên hệ: Khu phố N, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K – sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Kim B – sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

(ông T, ông K có mặt, bà Kim B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày như sau: Theo hợp đồng tín dụng số: LT0057/HĐTD ngày 12/9/2013 giữa ông K, bà B và Ngân hàng K: Với số tiền vay: 50.000.000đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ đầu tư sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi; Ngày giải ngân: 17/9/2013; Thời hạn vay là 24 tháng,

ngày đến hạn là: 12/9/2015. Lãi trong hạn là 1,2%/ tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi VNĐ của kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ tại Ngân hàng K cộng thêm 0,41%/ tháng.

Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán: Lãi vay trả làm 06 tháng/lần. Vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng.

Tài sản thế chấp dùng để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên là: QSD đất tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, diện tích 14.083m^2 đất TCLN, thửa đất: 337, tờ bản đồ số 1, giấy CNQSD đất số D0786657 do UBND huyện Hà Tiên cấp ngày 21/9/1995.

Ngày 29/5/2019, ông K thanh toán được 70.000.000 đồng, trong đó 45.000.000 đồng nợ gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K, bà B trả nợ cho Ngân hàng K tạm tính đến ngày 29/5/2019 với số tiền cụ thể là: Vốn gốc: 5.000.000đồng; lãi 28.038.875đồng; tổng cộng là: 33.038.875 đồng. Cách trả nợ: Yêu cầu trả một lần hết số nợ nêu trên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kim B trình bày: Vợ chồng ông, bà thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số: LT0057/HĐTD ngày 12/9/2013 với Ngân hàng K và có nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không trả nợ cho ngân hàng như hợp đồng.

Sau khi Tòa án thụ lý, gia đình đã cố gắng trả được 70.000.000 đồng, trong đó 45.000.000 đồng tiền gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi.

Cách trả nợ: Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn, bà B bị bệnh nặng nên không có khả năng lao động, vì vậy không thể trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng nên mong ngân hàng giảm phần nào tiền lãi để tạo điều kiện trả dần số nợ trên.

Khi vay có thế chấp cho Ngân hàng K QSD đất tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, diện tích 14.083m^2 đất TCLN, thửa đất: 337, tờ bản đồ số 1, giấy CNQSD đất số D0786657 do UBND huyện Hà Tiên cấp ngày 21/9/1995. Hiện nay vợ chồng ông K đang ở và canh tác trên đất, không cho ai thuê mướn hay cố đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng K và ông K, bà B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Kim B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng K và ông K, bà B được xác lập ngày 12/9/2013, trước ngày 01/01/2017, nên khi có tranh chấp thì áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 giải quyết.

[3] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng tín dụng số: LT0057/HĐTD ngày 12/9/2013 giữa ông K, bà B và Ngân hàng K: Với số tiền vay: 50.000.000đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ đầu tư sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi; Ngày giải ngân: 17/9/2013; Thời hạn vay là 24 tháng, ngày đến hạn là: 12/9/2015. Lãi trong hạn là 1,2%/ tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi VNĐ của kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ tại Ngân hàng K cộng thêm 0,41%/ tháng. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán: Lãi vay trả làm 06 tháng/lần. Xét yêu cầu của ngân hàng K buộc ông K, bà B trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/5/2019 là 33.038.875 đồng, trong đó nợ gốc 5.000.000 đồng và lãi 28.038.875 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: vợ chồng ông K, bà B cũng thừa nhận nợ.

[4] Đối với yêu cầu của ông K, bà B xin giảm lãi và trả dần số nợ trên . Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, bởi lẽ phía nguyên đơn không đồng ý và Bộ luật dân sự cũng không quy định thời gian trả chậm nếu các đương sự không có thỏa thuận. Phương thức thanh toán nợ như thế nào thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do ông K, bà B bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí.

- Ngân hàng K được nhận lại tiền tạm ứng án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 290, 474 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Xử buộc: ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kim B có nghĩa vụ trả số tiền tổng cộng là 33.038.875 đồng (trong đó: Nợ gốc 5.000.000đồng; lãi 28.038.875 đồng) cho Ngân hàng K.

2/ Kể từ ngày 29/5/2019 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông K, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án. Trong trường hợp đã phát mãi tài sản thế chấp mà vẫn không đủ để thu hồi nợ thì ông K bà B có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng bằng tài sản khác.

3/ Về án phí:

Buộc ông K, bà B chịu án phí là 1.651.944 đồng

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 2.870.000đồng cho ngân hàng K theo biên lai thu số 0007833 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

4/ Báo cho nguyên đơn, ông K được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2019). Bà Nguyễn Thị Kim B có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành Án DS h.Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh